

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/TPMK/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Công nghệ Thực phẩm Miko

Địa chỉ: Số 1B Trần Cao Vân, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 84.28.62799565 Fax: 84.28.39321128

E-mail: afotech@afotech.vn

Mã số doanh nghiệp: 0313304768

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng – ISO 9001:2015 số VN007362.

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm – ISO 22000:2018 số IND.20.4024/FM/U.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CUNG ĐÌNH MÌ CHAY HƯƠNG VỊ RAU NẤM CHUA CAY

2. Thành phần:

Vất sợi: Bột mì, dầu cọ, tinh bột khoai mì, tinh bột khoai tây (10 g/kg), muối, chất điều vị (621, 631, 627), chất ổn định (1210, 405), chất điều chỉnh độ acid (330, 260), chất tạo xốp (500(ii), 451(i), 452(i)), chất tạo màu (màu tổng hợp (101(i)), màu tự nhiên (164)), chất chống oxy hóa (320, 307b).

Gói gói: Nước, hành, dầu thực vật, muối, đường, hỗn hợp bột (bột củ cải, bột hành, bột nấm hương, bột tỏi, bột ớt, bột tiêu), ớt, chất điều vị (621, 631, 627, 364(ii)), chiết xuất nấm men, nước tương, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương mùi tàu, hương ngò om, hương nấm), chất bảo quản (202, 211), chất điều chỉnh độ acid (296), chất tạo ngọt tổng hợp (950), chất làm dày (415), bột gia vị, màu tổng hợp (110).



Gói rau: rau sảy (nấm, hành lá, cà rốt).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

6 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì của sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Đối với quy cách đóng gói dạng gói: chất liệu bao bì gói mì là OPP20/MCPP25; chất liệu bao bì gói rau là OPP20/PE25; chất liệu bao bì gói xốt là PET12/MPET12/LLDPE40.

Đối với quy cách đóng gói dạng ly: chất liệu bao bì ly là nhựa PP và giấy duplex; chất liệu bao bì gói rau là OPP20/PE25; chất liệu bao bì gói xốt là PET12/MPET12/LLDPE40.

Đối với quy cách đóng gói dạng thố: chất liệu bao bì thố là giấy PE và giấy duplex; chất liệu bao bì gói rau là OPP20/PE25; chất liệu bao bì gói xốt là PET12/MPET12/LLDPE40.

Khối lượng tịnh: 55 g, 60 g, 65 g, 69 g, 70 g, 75 g, 80 g, 85 g, 90 g, 95 g, 100 g.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Công ty TNHH Uni-President Việt Nam.

Số 16-18-20, đường ĐT743, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về việc quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Đức Kiên

176
CÔNG TY
THANH
THU
MIKO
HỒ

PHỤ LỤC 01
TIÊU CHUẨN CƠ SỞ SẢN PHẨM.
(Đính kèm bản Tự công bố số 09/TPMK/2023)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	NHÓM SẢN PHẨM MÌ ĂN LIỀN	Số TCCS: 09/TPMK/2023
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM MIKO	CUNG ĐÌNH MÌ CHAY HƯƠNG VỊ RAU NẤM CHUA CAY	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Trạng thái: Vắt sợi nguyên vẹn, sợi đều, không gãy, không vỡ. Các gói gia vị bên trong nguyên vẹn, đầy đủ (gói sốt, gói rau).

Màu sắc: Sợi vàng rom đặc trưng cho sản phẩm, gói sốt bên trong màu nâu đỏ.

Mùi vị: Mùi thơm đặc trưng, vị ngon, không có mùi vị lạ.

1.2. Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm của vắt sợi	% khối lượng	≤ 10
2	Chỉ số axit vắt mì, mg KOH/g chất béo chiết ra từ vắt mì	mg KOH/g béo	≤ 2
3	Hàm lượng béo của sản phẩm	% khối lượng	10 ÷ 25
4	Hàm lượng protein của sản phẩm	% khối lượng	3 ÷ 15
5	Hàm lượng carbohydrate của sản phẩm	% khối lượng	40 ÷ 75

- 1.3. **Chỉ tiêu vi sinh vật:** (tuân theo Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, ban hành kèm quyết định số 46/2007/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ngày 19/12/2007 dành cho nhóm sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, khoai củ, đậu đỗ: bột, miến, mỳ sợi (có xử lý nhiệt trước khi sử dụng)).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	$\leq 10^3$
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 10^6$
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	$\leq 10^2$
4	<i>Coliforms</i>	CFU/g	$\leq 10^3$
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	$\leq 10^2$
6	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	$\leq 10^2$
7	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	$\leq 10^2$

- 1.4. **Hàm lượng kim loại nặng:** (tuân theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế dành cho nhóm sản phẩm ngũ cốc)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,2$
2	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	$\leq 0,2$

- 1.5. **Hàm lượng độc tố vi nấm:** (tuân theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm các loại ngũ cốc và sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bao gồm cả sản phẩm ngũ cốc đã qua chế biến; ngũ cốc sử dụng làm thực phẩm, các sản phẩm ngũ cốc (đã và chưa qua chế biến); ngũ cốc, bột ngũ cốc, cám (bran), hạt mầm (germ) sử dụng làm thực phẩm).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1	Hàm lượng aflatoxin B1	ppb	≤ 2
2	Hàm lượng aflatoxin tổng số	ppb	≤ 4
3	Hàm lượng Ochratoxin A	ppb	≤ 3
4	Hàm lượng Deoxynivalenol	ppb	≤ 750
5	Hàm lượng Zearalenone	ppb	≤ 75

283.6 mm



112.2 mm



95 X 102 mm

THÙNG CUNG ĐÌNH MI CHUA CAY
350x 270x 235 mm

- C0, M0, Y0, K100
- C 70, M0, Y100, K0
- C0, M55, Y100, K0



MÌ LY
1,656 kg
(69 g x 24 ly)



CUNG ĐÌNH

Mì khoai tây

Hương vị **Rau nầm Chua cay**

Mì ăn liền
100% mì làm từ bột mì cứng
100% rau nầm sấy khô

AN TOÀN SỨC KHỎE CHO CẢ GIA ĐÌNH!

- Bảo đảm An Toàn VSTP theo tiêu chuẩn của Bộ Y Tế
- Bảo quản nơi khô mát




MÌ LY
1,656 kg
(69 g x 24 ly)



CUNG ĐÌNH

Mì khoai tây

Hương vị **Rau nầm Chua cay**

MÌ LY
1,656 kg
(69 g x 24 ly)

AN TOÀN SỨC KHỎE CHO CẢ GIA ĐÌNH!

- Bảo đảm An Toàn VSTP theo tiêu chuẩn của Bộ Y Tế
- Bảo quản nơi khô mát




MÌ LY
1,656 kg
(69 g x 24 ly)



CUNG ĐÌNH

Mì khoai tây

Hương vị **Rau nầm Chua cay**

MÌ LY
1,656 kg
(69 g x 24 ly)

AN TOÀN SỨC KHỎE CHO CẢ GIA ĐÌNH!

- Bảo đảm An Toàn VSTP theo tiêu chuẩn của Bộ Y Tế
- Bảo quản nơi khô mát




Sản phẩm của **CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM MIKO**
56 B Trần Cao Sơn, phường ĐaKao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tel: 84.28.62799565 Fax: 84.28.3937128
Email: info@mi.com.vn Website: www.mi.com.vn
Số đăng ký: 0311000000 Công Ty TNHH Công Ném Thực Phẩm MIKO
56 B Trần Cao Sơn, phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
phương Đ. An, thành phố Đ. An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Sản xuất tại Việt Nam
Mặt phẩm chỉ áp dụng trong nước



1 89 345 04 38920 7



Số: 011030 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 15194.23



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM MIKO
Địa chỉ : 1B TRẦN CAO VÂN, P.ĐA KAO, QUẬN 1, TP.HCM
Tên mẫu : CUNG ĐÌNH MÌ CHAY HƯƠNG VỊ RAU NẤM CHUA CAY
Ngày lấy mẫu : 15/05/2023
Lượng mẫu : 12 ly x 69 g
Ngày nhận mẫu : 15/05/2023
Người gửi mẫu : Ngô Bảo Nhi
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Độ ẩm	HD.PP.14-1/TT.LH:2018 (Ref. AOAC 950.46) (a)	1,31 % khối lượng (vắt)	16/05/2023
2	Trị số Acid	AOAC 969.17	0,50 mg KOH/g béo (vắt)	19/05/2023
3	Lipid	HD.PP.06/TT.LH:2018 (Ref. AOAC 991.36) (a)	15,99 % khối lượng (ly)	18/05/2023
4	Carbohydrate	HD.PP.11-1/TT.LH (AOAC 986.25) (d)	56,84 % khối lượng (ly)	22/05/2023
5	Protein	HD.PP.13/TT.LH:2016 (Ref. AOAC 991.20) (a)	8,72 % khối lượng (Nx6,25) (Ly)	16/05/2023
6	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/kg	22/05/2023
7	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	< 0,05 mg/kg	23/05/2023
8	Aflatoxin B1	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,1 µg/kg	16/05/2023
9	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2)	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,1 µg/kg	16/05/2023
10	Ochratoxin A	HD.PP.17/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2004.10) (d)	Không phát hiện LOD = 0,1 µg/kg	16/05/2023
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 (d)	< 10 CFU/g	16/05/2023
12	Coliforms	AOAC 991.14, TCVN 9975:2013 (d)	< 10 CFU/g	16/05/2023
13	<i>Escherichia coli</i>	AOAC 991.14, TCVN 9975:2013 (d)	< 10 CFU/g	16/05/2023
14	<i>Bacillus cereus</i>	AOAC 980.31 (d)	< 10 CFU/g	16/05/2023

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 15194.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
15	<i>Clostridium perfringens</i>	AOAC 976.30 (d)	< 10 CFU/g	16/05/2023
16	<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC 975.55 (d)	< 10 CFU/g	16/05/2023
17	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (d)	< 10 CFU/g	16/05/2023

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong ly nhựa ép kín, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, NSX: 12 05 23 - HSD: 12 11 23.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **24 -05- 2023**
TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2023-00041799	
Mã số kết quả :	AR-23-VD-069814-01 / EUVNHC-00209645 - 2	

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM MIKO 1B Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu :	Cung Đình mì chay hương vị rau nấm chua cay
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu :	07/04/2023
Thời gian thử nghiệm :	10/04/2023 - 15/04/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	15/04/2023
Mã số PO của khách hàng :	NGM2230407779-HN
Mã số mẫu Eol :	005-32410-184834

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW01Q VW (a) Deoxynivalenol	µg/ kg	EN 15891:2010	Không phát hiện (LOD=70)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên			
	Nguyễn Thị Hiền Trưởng Bộ Phận Chăm Sóc Khách Hàng, CN Hà Nội		Trần Thị Mỹ Dung Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Hiền 06/06/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 06/06/2023.

Ghi chú giải thích Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng. "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. "VW": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm CN CT TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng tại Hà Nội. (a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
--

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2023-00061735	
Mã số kết quả :	AR-23-VD-069815-01 / EUVNHC-00215509	

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM MIKO 1B Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu :	Cung Đình mì chay hương vị rau nấm chua cay
Tình trạng mẫu :	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	22/05/2023
Thời gian thử nghiệm :	23/05/2023 - 26/05/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	27/05/2023
Mã số PO của khách hàng :	NGM22305224541-HN
Mã số mẫu Eol :	005-32410-203978

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW01P VW (a) Zearalenon	µg/ kg	EN 15850:2010	Không phát hiện (LOD=8)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

<p>Ký tên</p> <p>Nguyễn Thị Hiền Trưởng Bộ Phận Chăm Sóc Khách Hàng, CN Hà Nội</p>	<p>Trần Thị Mỹ Dung Giám đốc Chi nhánh Hà Nội</p>
--	---

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Hiền 06/06/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 06/06/2023.

<p>Ghi chú giải thích</p> <p>Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.</p> <p>"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.</p> <p>"VW": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm CN CT TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng tại Hà Nội. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.</p>
--